TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2020/DS-ST Ngày: 04-8-2020 V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

Bà Vũ Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 và 04 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần K;

Trụ sở chính: 40-42-44 P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A, chức vụ: Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Ông Võ Văn T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Rạch Giá (Theo Quyết định ủy quyền số 1203/QĐ-NHKL);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn T: Ông Lâm Văn T (Theo giấy ủy quyền số 225/UQ-CNRG), chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch G.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lâm Văn Tỷ: Ông Nguyễn Thành N – sinh năm 1967 (Theo giấy ủy quyền số 69/UQ-PGDGQ), chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Phòng giao dịch G (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt);

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/9/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K – Người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thành N trình bày:

Vào ngày 09/6/2011, Ngân hàng Thương mại cổ phần K (TMCP K) có cho ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N vay số tiền 50.000.000đ theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và san lấp mặt bằng; thời hạn vay là 06 tháng; ngày giải ngân 11/6/2011; ngày đến hạn 11/12/2011; lãi suất trong hạn 2%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 0,9%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn hợp đồng.

Tài sản ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nêu trên tại Hợp đồng thế chấp tài sản số ST1580/HĐTC, ngày 09/6/2011 gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.522m^2 đất trồng lúa, cây hàng năm và lâu năm, tờ bản đồ số 6,7, thửa số 81, 1036, 1329A và 1329B, đất tọa lạc tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 078228 được UBND huyện G cấp ngày 27/01/2010 do ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N đứng tên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N không đóng lãi cũng không thanh toán nợ gốc cho ngân hàng. Ngân hàng TMCP K đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho ông Đ, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà vẫn không có thiện chí thực hiện. Tính đến ngày 17/7/2020, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N còn nợ Ngân hàng TMCP K số tiền 239.090.775đ (hai trăm ba mươi chín triệu, không trăm chín mươi nghìn, bảy trăm bảy mươi lăm đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ và tiền phạt chậm trả lãi là 19.691.886đ.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu trả số tiền 19.691.886đ là tiền phạt chậm trả lãi. Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng số nợ tính đến ngày 04/8/2020 là 219.398.889đ (hai trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp, ông Đ, bà N không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Đ, bà N không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông bà.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi là 19.691.886đ; Áp dụng Điều 463, Điều 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự 2015. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải trả cho ngân hàng số tiền 219.398.889đ (hai trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Vào ngày 09/6/2011, giữa Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N có ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011, theo đó: Ngân hàng TMCP K cho ông Đ, bà N vay số tiền 50.000.000đ; mục đích vay là sản xuất nông nghiệp và san lấp mặt bằng; thời hạn vay là 06 tháng; ngày giải ngân 11/6/2011; ngày đến hạn 11/12/2011; lãi suất trong hạn 2%/tháng (lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng một lần và được tính bằng mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP K cộng thêm 0,9%/tháng); lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay; hình thức thanh toán: lãi và vốn vay được trả vào ngày đến hạn hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ, bà N đã nhận đủ tiền vay nhưng từ đó đến nay không đóng lãi và trả nợ gốc cho Ngân hàng theo thỏa thuận đã nêu trong hợp đồng. Ngân hàng có đến nhắc nhở nhiều lần nhưng ông bà chỉ hứa hẹn mà không trả nợ. Việc ông Đ, bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo giao kết trong hợp đồng là đã vi phạm Điều 3 và Điều 8 của Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011 mà các bên

đã ký kết nên Ngân hàng TMCP K khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà N thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Xét, Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011 giữa các bên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[3] Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP K xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi phạt chậm trả lãi. Việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải trả số nợ tính đến ngày 04/8/2020 là 219.398.889đ (hai trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 05/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tống đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tống đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp vào ngày 01/6/2020 và ngày 17/6/2020 để tạo điều kiện cho các bên đương sự hòa giải, thỏa thuận với nhau nhưng ông Đ, bà N đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Hơn nữa, ông Đ, bà N cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K cho Tòa án. Tính đến hết ngày 04/8/2020, ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N còn nợ ngân hàng tổng số tiền 219.398.889đ (hai trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ. Như vậy, ông Đ, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc ông Đ, bà N có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP K là phù hợp. Đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi tạm tính đến hết 04/8/2020 của Ngân hàng TMCP K là 169.398.889đ (trong đó: lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ) và lãi phát sinh từ kể từ ngày 05/8/2020 cho tới khi thanh toán xong khoản nợ. Xét thấy, cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP K phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011 cũng là phù hợp với khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010 cho nên yêu cầu trả lãi này của Ngân hàng TMCP K đối với ông Đ, bà N là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét Hợp đồng thế chấp tài sản số ST1580/HĐTC, ngày 09/6/2011 giữa Ngân hàng TMCP K với ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N thấy rằng: Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.522m^2 đất trồng lúa, cây hàng năm và lâu năm, tờ bản đồ số 6,7, thửa số 81, 1036, 1329A và 1329B, đất tọa lạc tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 078228 được UBND huyện G cấp ngày 27/01/2010 do ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N đứng tên được công chứng tại Ủy ban nhân dân xã B vào ngày 10/6/2011 theo số công chứng 225, quyển số 01 TP/CC-SCT/HĐGD để bảo đảm cho Hợp đồng tín dụng ngắn hạn

số ST1580/HĐTD, ngày 09/6/2011 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại các Điều 500, 501, 502, 503 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 167 Luật Đất đai 2013 nên cần duy trì để bảo đảm thi hành án. Như vậy, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên hoặc không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là: 10.969.944đ (219.398.889đ x 5%) do ông bà có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền 219.398.889đ (hai trăm mười chín triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm tám mươi chín đồng), trong đó: nợ gốc 50.000.000đ, lãi trong hạn 6.235.556đ, lãi quá hạn 163.163.333đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP K có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi từ ngày 05/8/2020 theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có nghĩa vụ hoàn trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số ST1580/HĐTC, ngày 09/6/2011 cho ông Đ, bà N.

Nếu ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ vay, tài sản thế chấp gồm có: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất có diện tích 11.522m^2 đất trồng lúa, cây hàng năm và lâu năm, tờ bản đồ số 6,7, thửa số 81, 1036, 1329A và 1329B, đất tọa lạc tại ấp 5, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 078228 được UBND huyện G cấp ngày 27/01/2010 do ông Nguyễn Văn

Đ, bà Nguyễn Thị N đứng tên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 10.969.944đ (mười triệu, chín trăm sáu mươi chín nghìn, chín trăm bốn mươi bốn đồng).

Ngân hàng TMCP K không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 5.510.000đ (năm triệu, năm trăm mười nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008715, ngày 09/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/8/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Kiên Giang;*
- *VKSND huyện G;*
- *Chi cục THADS huyện G;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập